|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2023/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày tháng năm 2023* |

DỰ THẢO

**NGHỊ ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019:*

*Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 3 Điều 1 như sau:

“1. Điều kiện, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động và giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo Điều 157 của Bộ luật Lao động và người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo *Điều 154* của Bộ luật Lao động”.

*“3. Quy định trách nhiệm của người lao động nước ngoài và người sử dụng lao động trong quan hệ lao động và các quan hệ khác liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động theo quy định của Bộ luật Lao động”.*

2. Sửa đổi, bổ sung tiêu đề khoản 1 Điều 2 như sau:

“1. Lao động là công dân nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam (sau đây viết tắt là người lao động nước ngoài) phải tuân theo pháp luật lao động Việt Nam và được pháp luật Việt Nam bảo vệ, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác theo các hình thức sau đây:”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a, g khoản 2 Điều 2 như sau:

“a) Doanh nghiệp hoạt động *theo quy định của pháp luật* hoặc theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;”

“g) Tổ chức quốc tế, văn phòng của dự án nước ngoài tại Việt Nam; cơ quan, tổ chức, *văn phòng đại diện, chi nhánh, doanh nghiệp, công ty* do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, ngành cho phép thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật;”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 như sau:

“1. Người lao động nước ngoài di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp *theo biểu cam kết về dịch vụ của Việt Nam với Tổ chức thương mại thế giới (WTO)* là *nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia* của một doanh nghiệp nước ngoài đã thành lập hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam, di chuyển tạm thời trong nội bộ doanh nghiệp sang hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam và đã được doanh nghiệp nước ngoài tuyển dụng trước đó ít nhất 12 tháng liên tục.”

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 3 như sau:

“Chuyên gia là người lao động nước ngoài thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a. *Tốt nghiệp đại học trở lên* và có ít nhất 3 năm kinh nghiệm làm việc *phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.*”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 3 như sau:

“5. *Giám đốc điều hành là người đứng đầu và trực tiếp điều hành một lĩnh vực của doanh nghiệp hoặc đơn vị phụ thuộc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, chỉ chịu sự giám sát hoặc chỉ đạo chung từ hội đồng quản trị hoặc các cổ đông của doanh nghiệp hoặc cấp tương đương; quản lý doanh nghiệp bao gồm việc chỉ đạo doanh nghiệp đó, hoặc một phòng, ban hoặc một đơn vị trực thuộc của hiện diện thương mại, giám sát và kiểm soát công việc của các nhân viên chuyên môn, nhân viên quản lý hoặc nhân viên giám sát khác, có quyền thuê và sa thải hoặc kiến nghị thuê, sa thải hoặc các hoạt động về nhân sự khác.*”

7. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 6 Điều 3 như sau:

“Lao động kỹ thuật là người lao động nước ngoài thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a. *Được đào tạo ít nhất 1 năm và có ít nhất 3 năm kinh nghiệm phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam*.”

8. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 4 như sau:

“a. Trước ít nhất 30 ngày *và không quá 180 ngày* kể từ ngày dự kiến sử dụng người lao động nước ngoài, người sử dụng lao động (trừ nhà thầu) có trách nhiệm xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc mà người lao động Việt Nam chưa đáp ứng được và báo cáo giải trình với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) nơi người lao động nước ngoài dự kiến làm việc theo Mẫu số 01/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

*Người sử dụng lao động tuyển dụng người lao động nước ngoài theo hình thức hợp đồng lao động thì phải thông báo quá trình tuyển dụng, kết quả xét tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí dự kiến tuyển dụng lao động nước ngoài trên trang thông tin điện tử việc làm quốc gia tại địa chỉ www.vieclamvietnam.gov.vn và trang thông tin điện tử người tìm việc, việc tìm người của Trung tâm dịch vụ việc làm các tỉnh, thành phố và các phương tiện thông tin khác (nếu cần) ít nhất 10 ngày trước ngày báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng lao động. Hồ sơ báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài gồm các giấy tờ sau: Báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài, giấy phép thành lập hoặc hoạt động của cơ quan/tổ chức còn hiệu lực, giấy tờ chứng minh đã thông báo tuyển dụng.*

Trong quá trình thực hiện nếu thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài *đã được chấp thuận về địa điểm, hình thức hoặc thời gian làm việc* thì người sử dụng lao động phải báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Mẫu số 02/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này trước ít nhất 30 ngày kể từ ngày dự kiến sử dụng người lao động nước ngoài.

9. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 4 như sau:

“b. Trường hợp người lao động nước ngoài quy định tại các khoản 3, 4, 5, *6 và 8* Điều 154 của Bộ luật Lao động và các khoản 1, 2, *4, 7*, 8, 9, 10, 11, 12, 13 và *14* Điều 7 Nghị định này thì người sử dụng lao động không phải thực hiện xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài.”

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 như sau:

“2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc theo Mẫu số 03/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo giải trình hoặc báo cáo giải trình thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài. *Vị trí công việc được chấp thuận nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài có giá trị sử dụng trong thời hạn 180 ngày kể từ ngày bắt đầu làm việc của từng vị trí công việc trong văn bản chấp thuận.*”

11. Bổ sung khoản 3 Điều 6 như sau:

*“Trường hợp giấy phép lao động hoặc xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp theo khoản 1 Điều 30 của Nghị định này thì trong vòng 30 ngày kể từ khi được cấp, người sử dụng lao động có trách nhiệm báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi người lao động nước ngoài dự kiến làm việc thông tin: họ và tên, tuổi, quốc tịch, số hộ chiếu, tên người sử dụng lao động nước ngoài, ngày bắt đầu và ngày kết thúc làm việc kèm theo giấy phép lao động hoặc xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp”.*

2. Trước ngày 15 tháng 7 và ngày 15 tháng 01 của năm sau hoặc đột xuất theo yêu cầu, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về tình hình người lao động nước ngoài làm việc trên địa bàn theo Mẫu số 08/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Thời gian chốt số liệu báo cáo 6 tháng đầu năm và hằng năm thực hiện theo quy định của Chính phủ về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 7 như sau:

“6. Được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cử sang Việt Nam *là nhà* *quản lý, giám đốc điều hành*, giảng dạy, nghiên cứu tại trường quốc tế thuộc quản lý của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài hoặc Liên hợp quốc; các cơ sở, tổ chức được thành lập theo *các điều ước quốc tế* mà Việt Nam đã ký kết, tham gia.”

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 14 Điều 7 như sau:

“14. Được Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận người lao động nước ngoài vào Việt Nam để giảng dạy, nghiên cứu, *người đứng đầu hoặc cấp phó người đứng đầu các cơ sở giáo dục và đào tạo trừ các trường hợp làm việc theo hình thức hợp đồng lao động.*”

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 như sau:

“2. Trường hợp quy định tại khoản 4, 6 *Điều 154* của Bộ luật Lao động và khoản 1, 2, 8 và 11 Điều 7 Nghị định này thì không phải làm thủ tục xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động nhưng phải báo cáo với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi người lao động nước ngoài dự kiến làm việc thông tin: họ và tên, tuổi, quốc tịch, số hộ chiếu, tên người sử dụng lao động nước ngoài, ngày bắt đầu và ngày kết thúc làm việc trước ít nhất 3 ngày, kể từ ngày người lao động nước ngoài dự kiến bắt đầu làm việc tại Việt Nam.”

15. Sửa đổi, bổ sung điểm a, b khoản 4 Điều 9 như sau:

“a. Giấy tờ chứng minh là nhà quản lý, giám đốc điều hành theo quy định tại khoản 4, 5 Điều 3 Nghị định này *bao gồm các giấy tờ sau:*

“a. Giấy tờ chứng minh là nhà quản lý theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định này là *điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động và một trong những giấy tờ sau: Giấy tờ chứng minh thành lập tổ chức, doanh nghiệp là một trong các giấy tờ là giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy phép thành lập và hoạt động; giấy phép thành lập; giấy đăng ký kinh doanh; giấy phép hoạt động hoặc giấy phép lao động đã được cấp hoặc xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp chứng minh đã từng là nhà quản lý;*

*“a1.* Giấy tờ chứng minh là giám đốc điều hành theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định này *là điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động và một trong những giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh hoặc văn phòng đại diện; quyết định bổ nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp tại nước ngoài hoặc giấy phép lao động* *hoặc giấy phép lao động đã được cấp hoặc xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp chứng minh đã từng là giám đốc điều hành;*

b. Giấy tờ chứng minh chuyên gia, lao động kỹ thuật theo quy định tại khoản 3, 6 Điều 3 Nghị định này, *là*: văn bằng, chứng chỉ, *giấy chứng nhận*; văn bản xác nhận của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tại nước ngoài về số năm kinh nghiệm của chuyên gia, lao động kỹ thuật *hoặc giấy phép lao động đã được cấp hoặc xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp chứng minh đã từng là chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật.*”

16. Sửa đổi, bổ sung tiêu đề khoản 8 Điều 9 như sau:

“8. Các giấy tờ liên quan đến người lao động nước ngoài *trừ trường hợp người lao động nước ngoài theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định này.*”

17. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 8 Điều 9 như sau:

“e. Đối người lao động nước ngoài theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 2 Nghị định này thì phải có văn bản của doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc tại Việt Nam và phù hợp với vị trí dự kiến làm việc *hoặc giấy tờ chứng minh là nhà quản lý là người quản lý doanh nghiệp tư nhân và người quản lý công ty, bao gồm chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có giá trị góp vốn dưới 3 tỷ đồng.*”

18. Bổ sung điểm c Điều 9 như sau:

*“c. Đối với người lao động nước ngoài làm việc tại nhiều địa điểm là chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh trong một tỉnh, thành phố thì trong văn bản đề nghị cấp giấy phép lao động phải liệt kê đầy đủ các địa điểm làm việc và hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định này. Trường hợp người lao động nước ngoài làm việc tại địa điểm trong và ngoài khu công nghiệp thì người sử dụng lao động nộp hồ sơ đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội”.*

19. Bổ sung điểm d Điều 9 như sau:

*“d. Đối với người lao động nước ngoài đã được cấp giấy phép lao động và đã được gia hạn một lần mà có nhu cầu tiếp tục làm cùng vị trí công việc và chức danh công việc ghi trong giấy phép lao động thì hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động mới gồm các giấy tờ quy định tại khoản 1, 2, 3, 5, 6, 7, 8 Điều này và bản sao có chứng thực giấy phép lao động đã được cấp;.*

20. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 như sau:

“2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi người lao động dự kiến làm việc cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài theo Mẫu số 12/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. *Giấy phép lao động có kích thước khổ A4 (21 cm x 29,7 cm), gồm 2 trang: trang 1 có màu xanh; trang 2 có nền màu trắng, hoa văn màu xanh, ở giữa có hình ngôi sao. Trường hợp giấy phép lao động là bản điện tử thì phải phù hợp với quy định của pháp luật liên quan và đáp ứng nội dung theo Mẫu số 12/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.*

*Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban quản lý báo cáo tình hình sử dụng phôi giấy phép lao động tới Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.*”

21. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 12như sau:

“3. Thay đổi họ và tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa điểm, *đổi tên doanh nghiệp mà không thay đổi mã số doanh nghiệp* làm việc ghi trong giấy phép lao động còn thời hạn.”

22. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 17 như sau:

“Một trong các giấy tờ quy định tại khoản 8 Điều 9 Nghị định này chứng minh người lao động nước ngoài tiếp tục làm việc cho người sử dụng lao động theo nội dung giấy phép lao động đã cấp *trừ trường hợp người lao động nước ngoài làm việc theo điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định này.*”

23. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 22 như sau:

“b. Tổ chức được *Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh* phân cấp, uỷ quyền, giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu.”

24. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 27 như sau:

“b. Tổ chức được *Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh* phân cấp, uỷ quyền, giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu thực hiện việc tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài thì báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.”

25. Sửa đổi, bổ dung điểm a, c khoản 1 Điều 30 như sau:

“a) Thực hiện chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài; xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động; cấp, cấp lại, gia hạn và thu hồi giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc cho người sử dụng lao động quy định tại điểm g khoản 2 Điều 2 và cơ quan, tổ chức quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 2 Nghị định này do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, ngành cho phép thành lập *và người lao động nước ngoài làm việc cho một người sử dụng lao động tại nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;”*

“c) Thực hiện *thống nhất quản lý nhà nước* về tuyển dụng, quản lý người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam *từ trung ương đến địa phương* và quản lý người Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.”

26. Sửa đổi, bổ dung điểm đ khoản 5 Điều 30 như sau:

“đ. Chấp thuận những vị trí công việc được sử dụng người lao động nước ngoài trên địa bàn hoặc giao cho cơ quan được uỷ quyền *trừ trường hợp chấp thuận nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài tại Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 30 Nghị định này.*”

27. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 6 Điều 30 như sau:

“a. Thực hiện chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài *theo phân cấp hoặc uỷ quyền*; xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động; cấp, cấp lại, gia hạn và thu hồi giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc cho người sử dụng lao động, quy định tại điểm a, b, c, h, i, k, l khoản 2 Điều 2 và cơ quan, tổ chức quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 2 Nghị định này do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập”.

28. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 Điều 30 như sau:

*“a) Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện việc cấp, cấp lại, gia hạn và thu hồi giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc cho người sử dụng lao động và thống nhất quản lý nhà nước về tuyển dụng, quản lý người lao động nước ngoài làm việc trên địa bàn. Trường hợp giao cho cơ quan có thẩm quyền khác thực hiện việc cấp, cấp lại, gia hạn và thu hồi giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc cho người sử dụng lao động trên địa bàn thì phải báo cáo và lấy ý kiến của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.*

Quản lý, hướng dẫn cơ quan, tổ chức tại địa phương thực hiện các quy định của pháp luật về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam;”

29. Sửa đổi Mẫu số 1/PLI; Mẫu số 2/PLI; Mẫu số 7/PLI và Mẫu số 8/PLI Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

**Điều 2. Bãi bỏ khoản 4 Điều 13**

**Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2, 4 Điều 8; khoản 1, 2 Điều 11; Điều 14; khoản 1, 2 Điều 18; Điều 21; Mẫu số 09/PLI; Mẫu số 10/PLI; Mẫu số 11/PLI; Mẫu số 13/PLI; Mẫu số 15/PLI như sau:**

Sửa đổi, bổ sung cụm từ “Sở Lao động - Thương binh và Xã hội” thành “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”.

**Điều 4. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2023./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán Nhà nước; - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; - Ngân hàng Chính sách xã hội; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan trung ương của các đoàn thể; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: VT, KGVX (2b). | **TM. CHÍNH PHỦ  KT. THỦ TƯỚNG  PHÓ THỦ TƯỚNG**  **Trần Hồng Hà** |